

CHƯƠNG VIII.

KÊ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

I. KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

1. Khái niệm các khoản đầu tư tài chính

Hoạt động đầu tư tài chính là hoạt động khai thác, sử dụng nguồn lực tiền nhàn rỗi của doanh nghiệp để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nhằm tăng thu nhập và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Nói cách khác, tiền vốn được huy động từ mọi nguồn lực của doanh nghiệp, ngoài việc sử dụng để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh chính theo chức năng đã đăng ký kinh doanh. Doanh nghiệp còn có thể tận dụng đầu tư vào các lĩnh vực khác để nâng cao hiệu quả sử dụng động vốn, làm sinh lợi vốn như: Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, cho vay vốn...

2. Phân loại các khoản đầu tư tài chính

2.1. Phân loại theo lĩnh vực đầu tư hoạt động đầu tư tài chính

- *Đầu tư chứng khoán (Chứng khoán bao gồm cổ phiếu và trái phiếu):*

Cổ phiếu doanh nghiệp là chứng chỉ xác nhận vốn góp của chủ sở hữu vào doanh nghiệp đang hoạt động hoặc bắt đầu thành lập. Cổ phiếu có thể có cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi.

Trái phiếu là chứng chỉ vay nợ có kỳ hạn và có lãi do Nhà nước hoặc doanh nghiệp phát hành nhằm huy động vốn cho đầu tư phát triển. Trái phiếu gồm có: Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu công ty.

Lãi suất của trái phiếu có thể là lãi suất cố định cho cả thời hạn của trái phiếu, có thể là lãi suất cố định áp dụng hàng năm, có thể là lãi suất hình thành qua đấu giá.

- *Góp vốn liên doanh:* Là việc góp vốn theo thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các hình thức liên doanh trong chương này gồm:

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức liên doanh hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát;

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức liên doanh tài sản được đồng kiểm soát;

+ Hợp đồng liên doanh dưới hình thức thành lập cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Lưu ý: Trường hợp nhà đầu tư góp vốn vào liên doanh (Cơ sở đồng kiểm soát) nhưng nhà đầu tư không có quyền đồng kiểm soát trong liên doanh đó thì được coi là góp vốn đầu tư khác hoặc góp vốn vào công ty liên kết tùy theo tỷ lệ nắm giữ quyền biểu quyết của nhà đầu tư trong liên doanh.

- Các khoản kinh doanh về vốn khác như: Cho vay, góp vốn không đủ các điều kiện nêu trên.

2.2. Phân loại theo thời hạn đầu tư tài chính

- *Đầu tư ngắn hạn:* Là các khoản đầu tư tài chính có thời hạn thu hồi vốn không quá 1 năm tài chính hoặc trong một chu kỳ kinh doanh.

- *Đầu tư dài hạn:* Là các khoản đầu tư tài chính có thời hạn thu hồi vốn thường là trên 1 năm tài chính.

2.3. Phân loại theo quyền biểu quyết của nhà đầu tư trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư

Việc phân loại này được thực hiện cho các khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác bao gồm cả khoản đầu tư của nhà đầu tư góp vốn vào liên doanh nhưng nhà đầu tư không có quyền đồng kiểm soát trong liên doanh đó.

- *Đầu tư vào công ty con:* Là khoản đầu tư của nhà đầu tư giữ trên 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư. Khi đó nhà đầu tư được gọi là công ty mẹ, và bên nhận đầu tư chịu sự kiểm soát của công ty mẹ được gọi là công ty con (Công ty mẹ có thể sở hữu trực tiếp công ty con hoặc sở hữu gián tiếp công ty con qua một công ty con khác) trừ trường hợp đặc biệt khi xác định rõ là quyền sở hữu không gắn liền với quyền kiểm soát. Trong các trường hợp sau đây, quyền kiểm soát còn được thực hiện ngay cả khi công ty mẹ nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết tại công ty con:

+ Các nhà đầu tư khác thoả thuận dành cho công ty mẹ hơn 50% quyền biểu quyết;

+ Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thoả thuận;

+ Công ty mẹ có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;

+ Công ty mẹ có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

- *Đầu tư vào công ty liên kết:* Là khoản đầu tư của nhà đầu tư giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác. Khi đó nhà đầu tư được coi là nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể và bên nhận đầu tư được gọi là công ty liên kết (Bao gồm cả trường hợp nhà đầu tư nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết nhưng có thoả thuận giữa bên nhận đầu tư và nhà đầu tư và việc nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể).

- *Đầu tư khác:* Là khoản đầu tư của nhà đầu tư giữ dưới 20% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác.

3. Xác định tỷ lệ quyền biểu quyết của nhà đầu tư trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư

- Trường hợp tỷ lệ quyền biểu quyết của nhà đầu tư đúng bằng tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư trong bên nhận đầu tư:

$$\begin{aligned} \text{nhà đầu tư trực tiếp trong} & \quad \text{Tổng vốn góp của nhà đầu tư} \\ \text{bên nhận đầu tư} & \quad \text{trong bên nhận đầu tư} \\ \text{---} & \quad \text{---} \\ & \quad \text{Tổng vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư} \\ & \quad \times 100\% \\ \\ \text{nhà đầu tư gián tiếp trong} & \quad \text{Tổng vốn góp của công ty con của nhà đầu tư} \\ \text{công ty liên kết} & \quad \text{t ^ g công ty liên kết} \\ \text{---} & \quad \text{---} \\ & \quad \text{Tổng vốn chủ sở hữu của công ty liên kết} \\ & \quad \times 100\% \end{aligned}$$

- Trường hợp tỷ lệ quyền biểu quyết khác với tỷ lệ vốn góp do có thoả thuận khác giữa nhà đầu tư và bên nhận đầu tư, quyền biểu quyết của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào biên bản thoả thuận giữa nhà đầu tư và bên nhận đầu tư.

4. Xác định quyền kiểm soát của công ty mẹ đối với công ty con

Quyền kiểm soát của công ty mẹ đối với công ty con được xác định khi công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con (Công ty mẹ có thể sở hữu trực tiếp công ty con, hoặc sở hữu gián tiếp công ty con qua một công ty con khác).

- Xác định quyền kiểm soát trực tiếp của công ty mẹ đối với công ty con khi công ty mẹ đầu tư vốn trực tiếp vào công ty con và công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con đầu tư trực tiếp.

Quyền kiểm soát của công ty mẹ

Quyền biểu quyết của công ty mẹ ở công ty con

~

Ví dụ: Công ty cổ phần B đã phát hành 10.000 cổ phiếu; Công ty A mua 5.500 cổ phiếu đã phát hành của Công ty B.

Trong trường hợp này Công ty A nắm giữ 55% (5.500 cổ phiếu: 10.000 cổ phiếu) quyền biểu quyết tại Công ty con B, nên quyền kiểm soát của Công ty A đối với Công ty B là 55% (> 50%), và Công ty B là Công ty con của Công ty A.

- Xác định quyền kiểm soát gián tiếp của công ty mẹ thông qua quyền sở hữu gián tiếp công ty con qua một công ty con khác.

Công ty mẹ sở hữu gián tiếp công ty con khi công ty mẹ đầu tư vốn gián tiếp (Kể cả trực tiếp) vào công ty con qua một công ty con khác và công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con đầu tư gián tiếp.

Quyền kiểm soát của công ty mẹ

=

Quyền biểu quyết của công ty mẹ ở công ty con đầu tư trực tiếp

+

Quyền biểu quyết của công ty mẹ ở công ty con đầu tư gián tiếp qua công ty con khác

Ví dụ: Công ty cổ phần A đầu tư vào Công ty cổ phần B 70 000 cổ phiếu/10.000 cổ phiếu phát hành và đầu tư tiếp vào Công ty TNHH c 250.000.000đồng/1.000.000.000 đồng (Tổng vốn điều lệ). Đồng thời Công ty cổ phần B đầu tư vào Công ty TNHH c tổng số vốn là 300.000.000 đồng/1.000.000.000 đồng (Tổng vốn điều lệ).

Trong trường hợp này Công ty cổ phần A nắm giữ quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần B là: 70% (7. 000 cổ phiếu/10. 000 cổ phiếu) nên Công ty B là công ty con của Công ty A. Ta xác định quyền kiểm soát của Công ty cổ phần A với Công ty TNHH c như sau:

+ Quyền kiểm soát trực tiếp của Công ty cổ phần A đối với Công ty TNHH c là: 25% (250.000.000 đồng/1000.000.000 đồng).

+ Quyền kiểm soát trực tiếp của Công ty cổ phần B đối với Công ty TNHH c là: 30% (300 000 000 đồng/1000 000 000 đồng).

+ Quyền kiểm soát gián tiếp của Công ty cổ phần A đối với Công ty TNHH c là: 25% + 30% = 55%.

Quyền kiểm soát của Công ty A đối với Công ty c là: 55% (> 50%), Công ty c là Công ty con của Công ty A.

II. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

1. Nguyên tắc kế toán

- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn phải được ghi sổ kế toán theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn bao gồm cả những chứng khoán dài hạn được mua vào để bán ở thị trường chứng khoán mà có thể thu hồi vốn trong thời hạn không quá một năm.

- Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán đầu tư ngắn hạn bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, kế toán được lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết để theo dõi từng loại chứng khoán đầu tư ngắn hạn mà đơn vị đang nắm giữ (Theo từng loại cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán có giá trị khác; Theo từng loại đối tác đầu tư; Theo từng loại mệnh giá và giá mua thực tế).

- Khi cho vay vốh ngắn hạn, kế toán phải theo dõi chi tiết từng khoản tiền cho vay theo từng đối tượng vay, phương thức vay, thời hạn và lãi suất cho vay.

2. Tài khoản sử dụng

Kế toán hoạt động đầu tư chứng khoán sử dụng các Tài khoản

- TÀI KHOẢN 121 - ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NGẮN HẠN

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình mua, bán và thanh toán chứng khoán (Trái phiếu, cổ phiếu...) có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời.

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Bên NỢ:

Trị giá thực tế chứng khoán đầu tư ngắn hạn mua vào hoặc chuyển đổi từ chứng khoán đầu tư dài hạn.

Bên Có:

Trị giá thực tế chứng khoán đầu tư ngắn hạn bán ra, đáo hạn hoặc được thanh toán.

Số dư bên NỢ:

Trị giá thực tế chứng khoán đầu tư ngắn hạn do doanh nghiệp đang nắm giữ.

Tài khoản 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1211 - Cổ phiếu:* Phản ánh tình hình mua, bán cổ phiếu với mục đích nắm giữ để bán kiếm lời.

- *Tài khoản 1212 - Trái phiếu:* Phản ánh tình hình mua, bán và thanh toán các loại trái phiếu, tín phiếu ngắn hạn.

- *Tài khoản 128 - Đầu tư ngắn hạn khác*

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các khoản đầu tư ngắn hạn khác như góp vốn, cho vay vốn mà thời hạn thu hồi không quá một năm...

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 128 - Đầu tư ngắn hạn khác

Bên NỢ:

Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn khác tăng.

Bên Có:

Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn khác giảm.

Số dư bên NỢ:

Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn khác hiện còn.

Tài khoản 128 - Đầu tư ngắn hạn khác, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 1281 - Tiền gửi có kỳ hạn:* Phản ánh tình hình tăng, giảm và số hiện có của tiền gửi có kỳ hạn.

- *Tài khoản 1288 - Đầu tư ngắn hạn khác:* Phản ánh tình hình tăng, giảm và số hiện có của các khoản đầu tư ngắn hạn khác.

- TÀI KHOẢN 515 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Bên NỢ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911- "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

- TÀI KHOẢN 635 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Kết cấu và nội dung phản ánh của Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

Bên NỢ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;

- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số' dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số' dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch *tỷ giá* hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số' dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số' dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

3. Phương pháp kế toán

(1). Khi mua chứng khoán đầu tư ngắn hạn, căn cứ vào chi phí thực tế mua (Giá mua cộng (+) chi phí môi giới, giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng,...), ghi:

Nợ TK 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 111 - Tiền mặt

Có TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Có TK 141 - Tạm ứng

Có TK 144 - Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn.

(2). Khi dùng vớh bằng tiền để đầu tư ngắn hạn, ghi:

Nợ TK 128 - Đầu tư ngắn hạn khác (1281, 1288)

Có các TK 111, 112,...

(3). Doanh nghiệp đưa đi đầu tư bằng vật tư, sản phẩm, hàng hoá và thời gian nắm giữ các khoản đầu tư đó dưới 1 năm:

- Nếu giá trị vật tư, sản phẩm, hàng hoá đưa đi đầu tư được đánh giá lại cao hơn giá trị ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ TK 128 - Đầu tư ngắn hạn khác (1288)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 155 - Thành phẩm

Có TK 156 - Hàng hoá

Có TK 711 - Thu nhập khác (Số chênh lệch giữa giá trị vật tư, hàng hoá được đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ).

- Nếu giá trị vật tư, sản phẩm, hàng hoá đưa đi đầu tư được đánh giá lại nhỏ hơn giá trị ghi trên sổ kế toán, ghi:

Nợ TK 128 - Đầu tư ngắn hạn khác (1288)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (Số chênh lệch giữa giá trị vật tư, hàng hoá được đánh giá lại nhỏ hơn giá trị ghi sổ)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 155 - Thành phẩm

Có TK 156 - Hàng hoá.

(4). Định kỳ, tính lãi và thu lãi tín phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu:

- Trường hợp nhận tiền lãi và sử dụng tiền lãi tiếp tục mua bổ sung trái phiếu, tín phiếu (không mang tiền về doanh nghiệp mà sử dụng tiền lãi mua ngay trái phiếu), ghi:

Nợ TK 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

- Trường hợp nhận lãi bằng tiền, ghi:

Nợ các TK 111, 112,....

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

- Trường hợp nhận lãi đầu tư bao gồm cả khoản lãi đầu tư dồn tích trước khi mua lại khoản đầu tư đó thì phải phân bổ số tiền lãi này. Chỉ ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính phần tiền lãi của các kỳ mà doanh nghiệp mua khoản đầu tư này; Khoản tiền lãi dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư được ghi giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó, ghi:

Nợ các TK 111, 112,.... (Tổng tiền lãi thu được)

Có TK 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Phần tiền lãi đầu tư dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Phần tiền lãi của các kỳ mà doanh nghiệp mua khoản đầu tư này).

(5). Định kỳ nhận cổ tức (nếu có), ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Nợ TK 138 - Phải thu khác (Chưa thu được tiền ngay)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

(6). Khi nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền (cổ phiếu thưởng) do công ty cổ phần tặng vốn, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

(7). Khi chuyển nhượng chứng khoán đầu tư ngắn hạn, căn cứ vào giá bán chứng khoán:

- Trường hợp có lãi, ghi:

Nợ các TK 111, 112, ... (Tổng giá thanh toán)

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Giá vốn)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá vốn).

- Trường hợp bị lỗ, ghi;

Nợ các TK 111, 112 hoặc 131 (Tổng giá thanh toán)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Chênh lệch giữa giá bán nhỏ hơn giá vốn)

Có TK 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Giá vốn).

- Các chi phí về bán chứng khoán, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có các TK 111, 112, ...

(8). Thu hồi hoặc thanh toán chứng khoán đầu tư ngắn hạn đã đáo hạn, ghi:

Nợ các TK 111, 112 hoặc 131

Có TK 121 - Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (Giá vốn)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

(9). Khi thu hồi các khoản đầu tư ngắn hạn khác, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 152, 156, 211, ...

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Trường hợp lỗ)

Có TK 128 - Đầu tư ngắn hạn khác (1281, 1288) (Giá vốn)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Trường hợp lãi).